UBND HUYỆN HƯƠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 660/TTYT-KD
V/v đề nghị gửi thư báo giá vật tư y tế.

Hương Sơn, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Trần Thị Anh- Trưởng Khoa Dược- TTB. Số điện thoại liên hệ: 0943239439.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn, tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Nhận qua email: kimanhbvhs@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 29 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 07 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế *(Có Phụ lục 1 kèm theo)*

2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược- Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn, tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Sau khi nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có), Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho nhà thầu 30% giá trị hợp đồng.

- Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc và thoả thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% số tiền còn phải trả ghi trong thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác: Báo giá gửi theo mẫu trong Phụ lục 2 đính kèm Công văn này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Lê Nhật Thành

UBND HUYỆN HƯƠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 660/TTYT-KD ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bông thấm nước y tế	Được làm từ 100% bông tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da.. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, 9001	Kg	500
2	Cồn 70 độ	Hàm lượng Etanol ở 20 độ C là 70,7%, Hàm lượng Aldehyd, tính theo mg acetaldehyd/lít cồn 100 độ là 2,25mg/l,Dung dịch trong, không màu đóng trong chai nhựa kín, có mùi cồn đặc trưng.	Lít	200
3	Cồn 90 - 96 Độ	Hàm lượng Etanol ở 20 độ C là 90,3%, Hàm lượng Aldehyd, tính theo mg acetaldehyd/lít cồn 100 độ là1,5mg/l,Dung dịch trong, không màu đóng trong chai nhựa kín, có mùi cồn đặc trưng.	Lít	700
4	Cồn tuyệt đối 99.5	Hàm lượng Etanol ở 20 độ C là 99,8%, Hàm lượng Aldehyd, tính theo mg acetaldehyd/lít cồn 100 độ là 3,04mg/l,Dung dịch trong, không màu đóng trong chai nhựa kín, có mùi cồn đặc trưng.	Lít	10
5	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hydrochloride 0,1 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside, Cocamidopropyl Amine Oxide, Cocodiethanolamide (CDE)… Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium	Can	6
7	Cidezimec	Enzyme Protease subtilisin hiệu quả nhanh sau 1 phút(Enzymatic detergent). pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ. Tác dụng sau 1 phút.	Lít	30
8	Dd Javen	Hàm lượng NACLO là 82,36g/l, hàm lượng NaOH dư là 8,00g/l,	Lít	600
11	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Tặng kèm test thử.	Can	100

12	Băng Cuộn	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Mật độ 20x14 sợi/ inch. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP	Cuộn	2,000
13	Băng keo cuộn	Kích thước: 5cmx5m Vải lụa trắng Acetate thông thoáng, định lượng 63-69g/m2, mật độ sợi ngang 159-173 dtex, mật độ sợi dọc 80-88 dtex nhẹ nhàng và mềm mại, độ bền kéo 5,0kg/12mm+-500g Phủ keo Acrylic trọng lượng 60g poly acrylic/m2, độ dính 540g/12mm+-30g, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa xanh, bờ răng cưa dễ xé ngang dọc.Có kiểm tra vi sinh. Tiêu chuẩn Iso 13485	Cuộn	3,000
15	Gạc hút	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP	mét	5,000
16	Gạc dẫn lưu 1,5cm x 100cm x 4 lớp (vải không dệt, tiệt trùng), HT	Gạc không dệt (70% vicose và 30% polyester), màu trắng, không bụi bẩn - Tốc độ hút nước ≤ 5s - Độ acid bazơ: trung tính - Chất tan trong ether: ≤ 0,5% - Độ ẩm: ≤ 8%	Cái	500
17	Phim khô	Dòng phim thang xám kỹ thuật số trực tiếp thế hệ thứ 2 Đậm độ quang học ≥ 3.1 Nền PET dày 168 µm, phủ lớp muối bạc Tính chất nhạy nhiệt giúp thay phim dễ dàng dưới môi trường sáng thông thường Đóng gói 100 tờ/hộp, bao bì hoàn toàn có thể tái chế Chứng nhận ISO 13485, ISO 9001, CE Phù hợp với các dòng máy in Drystar Kích thước 20x25cm	Hộp	450
18	Phim nha khoa rửa nhanh	Phim nha khoa rửa nhanh	Hộp	10
19	Phim X-Quang số hóa	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 100 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa ≥ 3.3	Hộp	40

20	Kim Bướm Các Số	Dây được làm từ nhựa PVC, không có chất DEHP. Cỡ kim 23G, 25G .Đế dây lấp vừa dây truyền dịch và bơm tiêm. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn EN- ISO 13485 (ISO 13485):2016; ISO 9001:2015; cGMP-FDA;2015.	Cái	20,000
21	Chỉ polypropylen không tiêu số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone ,Có chứng nhận ISO 13485 và CE	Sợi	200
22	Chỉ polypropylen không tiêu số 4/0	Polypropylene 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn 20mm, 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không rỉ 301, bọc Silicon. Độ bền kéo nút thắt hơn 20-50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng tyvek- polyethylene. Có chứng nhận ISO 13485 và CE.	Tép	200
23	Điện cực tim	Hiệu Skintact. Điện cực dán người lớn Ø50mm dùng trong điện tim gắng sức, holter ECG	Cái	3,000
24	Giếng đựng mẫu	Vật liệu: Nhựa methacrylate	Túi	1
25	Bộ rửa dạ dày khép kín dùng một lần	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín gồm 1 túi dịch vào, 1 túi dịch ra, kết nối với nhau bằng hệ thống dây dẫn kín	Bộ	50
26	Ống dẫn lưu màng phổi có co nối đi kèm các cỡ 12-36FG	Vật liệu PVC cấp y tế, không độc hại -Đầu xa mở nhẵn và tròn với các mắt (lỗ) lớn để thoát nước tối đa - Đầu gần được trang bị co nối lưỡi côn để kẹp chặt tốt hơn và thâm nhập trơn tru Các size từ 12-36. Chiều dài 450mm	cái	10
27	Canuyl Mayo (Canuyl ngáng lưỡi - Airway) Các Số	Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn mềm giảm tổn thương Mã hóa màu block theo size 0,1,2,3,4,5	Cái	30
28	Lưỡi cắt nạo VA	Lưỡi cắt nạo VA, cong lên 40 độ, đường kính 4 mm	Cái	1
29	Túi đựng nước tiểu	Túi nước tiểu hình chữ nhật có kích thước: ≥ (25 x 20) cm. Chất liệu bằng PVC hoặc tốt hơn. Dung tích ≥ 2000ml. Thước đo: từ 25ml đến 2000ml, Dây dài khoảng 90cm. Van chống trào ngược tránh nhiễm khuẩn ngược dòng. Khóa kết nối hình bậc thang.	Cái	2,000

30	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Nguyên liệu thô: - Dây thở oxy chất liệu nhựa PVC, ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn, không bị ảnh hưởng bởi oxy hay thuốc trong điều kiện sử dụng bình thường - Có cả hai màu trong suốt trắng và xanh lục trong suốt, trong khi chất liệu nhựa trong suốt cho phép quan sát dễ dàng - Loại 'DEHP ' có sẵn cho tùy chọn có xu hướng được sử dụng ngày càng rộng rãi Ống oxy: - 1x2m ống 5,0mm + 2 x 0,5M các ống nhỏ mềm - Ống chính trong suốt màu trắng, với nhãn dán bên trong - Thiết kế lumen hình sao để giảm thiểu nguy cơ chấm dứt luồng không khí khi nó bị gấp khúc - Có đầu nối trượt luer (thông thường) và đầu nối khóa luer (loại mới phổ biến), trong khi đầu nối khóa luer được thiết kế để kết nối chặt chẽ hơn với hệ thống cung cấp oxy trung tâm trong bệnh viện Đầu mũi: - Đầu thở mềm, 2 ống thẳng đưa vào mũi tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân - Kích thước nhỏ nhất, kích thước dành cho trẻ sơ sinh được ưu tiên bên cạnh các kích thước phổ	Cái	2,000
31	Dao chọc tiền phòng 15 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Dao thẳng, góc 15 độ, dùng để chọc tiền phòng, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Đóng trong túi tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFS chứng nhận đăng kí FDA	Cái	100
32	Dao mổ phaco 2.2mm-3.2mm	Dao tạo đường rạch giác mạc (Dao đường hầm).Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Kích thước lưỡi dao ngang: (1.8-2.0-2.2-2.8-3.0-3.2mm), cạnh mài ngang, hai mặt vát, gập góc. ĐÓng trong túi vô khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFS, Chứng nhận đăng kí FDA	Cái	100
33	Thuỷ tinh thể nhân tạo mềm	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm 1 mảnh, càng chữ C. Chất liệu Hydrophilic Acrylic copolymer 26% nước. - TTT có phin lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. Thiết kế hai mặt lồi. - Chiều dài TTT: 12,5 mm. Đường kính optic: 6,0mm. - Độ dày trung tâm TTT : 0,98mm (+20 Dpt). Góc càng 0 độ. A-constant: 118,0. ACD: 4.96 mm. Chỉ số khúc xạ: 1,465. - Tiệt trùng bằng hơi nước - Dải công suất từ 0D tới +30D với mức tăng 0,5D - Được cung cấp cùng súng và cartridge dùng 1 lần đồng bộ với vết mổ 2.2 / 2.5mm.	Cái	200

34	Thủy tinh thể nhân tạo	- Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu, phi cầu cân bằng, trong suốt, chất liệu Hydrophobic Acrylic (nhân khô); - Chặn tia cực tím (UV); - Chế tạo bằng công nghệ đúc khuôn; - Optic đường kính 6,0mm, chiều dài thủy tinh thể 13,0mm; - Optic thiết kế phi cầu cân bằng ABC, rìa vuông. - Chống đục bao sau bằng cơ chế tăng hút dính mặt sau Optic. - Chống nhiễu sáng bằng cơ chế dệt nhám rìa cạnh Optic. - Càng chữ C cải tiến, bề mặt càng tạo nhám chống dính vào optic, góc càng 0 độ. -Thủy tinh thể được cài đặt sẵn trong injector liền cartridge, qua vết mổ: 2,0 mm; - Chỉ số khúc xạ: 1,548; - Độ sâu tiền phòng ACD: 5,49; - Hằng số A: 118,9; - Hiệu chỉnh quang sai cầu: -0,18µm; - Dải công suất từ +6,0 tới +30,0 Diop (tăng 0,5 Diop); - Đóng gói vô trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Cái	200
35	Thủy tinh thể nhân tạo mềm 1 mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh, chất liệu Acrylic Hydrophobic (Acrylic không ngậm nước) - Thiết kế phi cầu. - Thiết kế càng chữ C - Bờ rìa được làm vuông hoàn toàn (360°). - Lọc tia UV. - Đường kính Optic≥6.0 mm, Chiều dài ≥12.5 mm. - Hằng số A≥118.5 (đo bằng siêu âm A và tính theo công thức SRK/T) - Chỉ số khúc xạ n≥1.56 - Độ sâu tiền phòng ACD≥5.2 - Dãy diop từ 0.0D đến +40.0D. (từ +10.0D đến +30.0D bước nhảy 0.5D). - Vết mổ ≥2.2 mm. - Kính được cung cấp kèm Catridge và Injector.	Cái	100

36	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	Mô tả: Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu - Kích cỡ: Optic 6mm, tổng chiều dài 10.75mm - Chất liệu : Copolymer (được tạo ra Hydrophilic – Hydrophobic copolymer cấu tạo gồm 2-HEMA(2-hydroxyethyl Methacrylate) và EOEMA(2-ethyloxyethyl methacrylate) với 1 phân tử chromophore) - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Thiết kế một mảnh dạng hình đĩa với 4 haptic cặp đôi tạo thành 4 điểm tựa , lọc tia UV. - Thiết kế với công nghệ rìa vuông hai lần (double square edge). - Góc càng: 5 độ - Optic dạng phi cầu hai mặt (Biconvex Aspherical), loại bỏ quang sai - Hằng số A:118.6 đến 119.9. - Độ sâu tiền phòng: 5.32 đến 6.08. - Chỉ số SA: -0,14µm - Chỉ số khúc xạ 1.46 ở 35 độ C - Dải công suất rộng từ-10D đến +30D, từ +10D đến +30D tăng đều 0.5D. - Kèm cartridge + injector sử dụng một lần. - Thực hiện qua vết mổ < 2.2mm.	Cái	500
37	Dung dịch nhầy dùng trong phẫu thuật phaco	Chất nhầy được chỉ định cho bước đầu tiên của phẫu thuật đục thủy tinh thể với : Công thức : Hydroxyproxyl Methyl Cellulose Nồng độ (độ cô đặc) : 2% Độ nhớt (mPa.s) : 4500pcs đến 5500 pcs pH : 6.0 – 7.8 Ống tiêm : 27G Thể tích: 2ml	Ống	2,000
38	Dung dịch nhuộm bao trong phẫu thuật phaco	Trypan Blue Ophthalmic Solution. Trypan Blue 0.6mg. Sodium Chlorid I.P 8.2mg.	Lọ	250
39	Dao Mổ Mắt 15 Độ	Dao chọc tiền - lưỡi dao làm từ thép không gỉ - được gia công mài ngang tăng độ sắc. - Cán làm từ nhựa PBT, thiết kế tay cầm thoải mái, đựng trong kệ chống va đập	Cái	200
40	Dao Mổ Mắt 2.8-3.0 Có Cán	Kích thước phần rộng nhất của dao 2.8mm; 3.0 mm. Lưỡi dao tạo góc - bevel up 45 độ, có gắn tay cầm. Lưỡi dao bằng thép chống lóa. Tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói vô trùng. Tiêu chuẩn Châu Âu hoặc tương đương.	Cái/túi	200
41	Dao nạo mộng và tạo vạt củng mạc	- Dao nạo mộng và tạo vạt củng mạc. - Đường kính 2.0mm (MCU20), 2.3mm (MCU26), - Lưỡi dao làm từ thép không gỉ được gia công mài ngang tăng độ sắc. - Cán làm từ nhựa PBT, thiết kế tay cầm thoải mái, đựng trong kệ chống va đập	6 cái/hộp	12
42	Xăng Phủ Mắt	Kích thước: 6cm x 7cm	Miếng	1,000

43	Bộ vật tư đầy đủ làm tán sỏi thận qua da bao gồm: Bộ nong thận 5 que, que nong thận kèm vỏ 18Fr, Kim chọc dò, Guide wire cứng đầu cong J 80cm, Dẫn lưu.	Cấu hình: - Bộ nong thận tiêu chuẩn cho PCNL (gồm 5 cỡ) - Que nong thận kèm vỏ cỡ 18F (1 bộ) - Kìm chọc dò thận (1 cái) - Dây dẫn đường đầu cong (1 cái) - Catheter dẫn lưu thận có bóng (1 cái) Thông số kỹ thuật 1 Bộ nong thận - Gồm 5 cỡ: 8F; 10F; 12F; 14F; 16F; - Chiều dài que nong: 19,5 cm. - Vật liệu: PE - Trên que nong có đánh dấu chia khoảng cách và cỡ kích cỡ 2. Cây nong thận kèm vỏ cỡ 18F - Cỡ: 18F; - Chiều dài que nong: 19,5 cm; - Chiều dài vỏ: 18 cm. - Vỏ bọc có thể bóc tách được làm đôi sau khi sử dụng. - Vật liệu được làm bằng PTFE - Trên que nong có đánh dấu chia khoảng cách và cỡ kích cỡ 3. Kim chọc dò thận - Kích cỡ: 18G; - Chiều dài 20 cm; - Đầu kim đa giác. - Vỏ ngoài của kim có đánh dấu chia khoảng cách. - Vật liệu: Thép không gỉ và Polycarbonate	Bộ	1
44	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	- đường kính từ 0.5mm đến 5.0mm - hai đầu nhọn - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	50
45	Nẹp chữ T	Số lỗ: 3 lỗ đến 8 lỗ Dài từ 65mm-142mm; Rộng 16mm và 33.5mm; Dày 2,5mm; Khoảng cách lỗ: 16mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	5
46	Nẹp khóa móc xương đòn (SS) trái các cỡ trái/phải, dùng vít khóa 3.5mm	- Nẹp dày: 3.0mm; rộng 15.8mm và 9.8mm; khoảng cách lỗ 11.7mm - Số lỗ trên thân nẹp: 4, 5, 6, 7, lỗ trái / phải; dài từ 63mm đến 97mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	5
47	Nẹp khóa nén ép chữ T số 1	- Nẹp dày 2.0mm; rộng 23.8mm và 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 13.5mm. - Số lỗ trên thân nẹp: 3, 4, 5, 6 lỗ; trái, phải; dài từ 53mm đến 93.5mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	1
48	Nẹp khóa nén ép chữ T, số 2, dùng cho đầu trên xương chày 4 -8 lỗ	- Nẹp dày: 2.5mm; rộng 16mm và 38.35mm; khoảng cách lỗ 16mm. - Số lỗ trên thân nẹp: 4, 5, 6, 7, 8 lỗ; dài từ 81.7mm đến 145.7mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	2

49	Nẹp khóa nén ép số 1 dùng cho thân xương chày 14 lỗ	- Nẹp dày: 4.0mm; rộng 13.5mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 14 lỗ; dài 272.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	2
50	Nẹp khóa nén ép số 1, dùng vít 3.5mm cho xương trụ, xương quay và thân xương mác 4 - 12 lỗ	- Nẹp dày 3mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 lỗ; dài từ 48mm đến 144mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	10
51	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay các cỡ	- rộng 9mm; dày 2.5mm; chỉ định dùng cho các trường hợp cố định xương gãy vị trí xương quay và các phần xương nhỏ khác. - Số lỗ: 3,4,5,6,7,8,9,10 dài 70/82,5/95/107,5/120/132,5/145/159,5mm - chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 2.4 mm	Cái	2
52	Nẹp lòng máng 1/3, 6 lỗ - 8 lỗ vít 3.5	Số lỗ: 6 lỗ đến 8 lỗ Dài từ 73mm-97mm; Rộng: 10mm; Dày 1mm; Khoảng cách lỗ: 12mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	10
53	Nẹp mắt xích thẳng(tái tạo) các cỡ, vít 3.5mm	- Nẹp dày 2.2mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp: 10.5mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4,5,6,7,8,9,10,11,12 lỗ; dài từ 48,60,72,84,96,108,120,132,144mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	5
54	Vít xốp đk 4.0 , 14 mm- 70mm	- đường kính ren 4.0mm; ren ngắn 1/3, đường kính mũ vít 5.9mm, mũi tô vít 2.5mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 20mm đến 30mm; tăng 5mm từ 30mm đến 60mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	25
55	Vít xương xốp đk 6.5 dài 32 mm đến 90 mm	Vít xương xốp 6.5mm dài 35mm đến 110mm, ren 32mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	25
	PHẦN IV. VẬT TƯ NGOÀI TT 04/BYT			
56	Giấy in điện tim 3 cần	K63-3mm	Cuộn	100
57	Giấy in điện tim 6 cần	Dùng được trên máy điện tim 6 cần Nihonkondent	Tập	1,000
58	Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu	Dùng được trên máy XN nước tiểu Clinitek status, K50 x 45mm	Cuộn	500
59	Giấy siêu âm đen trắng	Giấy in siêu âm, chủng loại: UPP110S, giấy xenlulo,dạng cuộn, kt: 110MMX20M	Cuộn	700

60	Khí CO2 hóa lỏng	CO2 nồng độ ≥ 99,9%. Chứa trong bình dung tích 40 lít, Van QF-2A hoặc tương đương, Áp suất nạp 57,29 bar, trọng lượng hàng hóa mỗi bình là 25kg ± 5% . Chai được kiểm định theo danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Danh mục kèm theo thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội)	Kg	30
61	Khí oxy y tế	10 lít/bình	Bình	150
62	Khí oxy y tế	40 lít/bình	Bình	1,000
63	Dụng cụ bẩy chân răng	Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	2
64	K-File, H-File	Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuôi dùng để mở rộng khe tủy	Hộp	5
65	Hydroxide Calcium	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tuỷ. Lọ/10g	Lọ	2
66	Cevinton	Dạng kem mịn dễ dàng đặt vào chỗ răng sâu Có độ bám tốt trên răng Không cần trộn Vật liệu cứng nhanh, dễ tháo gỡ thành mảng lớn Độ khít sát lớn, không bị rò rỉ, không bị bội nhiễm Không chất Eugenol, không ảnh hưởng tới miếng trám composite sau này	Chai	7
67	Chổi đánh bóng nha chu	Chổi đánh bóng nha chu: - Đầu chổi bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chổi bằng thép không gỉ. - Chiều dài từ 2.5-3 cm. Tiệt khuẩn khô, hơi nước, chịu nhiệt trung bình. - Thích hợp với tay khoan khuỷu/thẳng tốc độ chậm có trong danh mục - Sử dụng 01 lần	Cái	100
68	Cortisomol	Xi măng hàn ống tủy vĩnh viễn, thành phần Hydrocortisone acetate, Thymol iodide, barium sulfate, zinc oxide , magnesium stearate. Không co ngót không tiêu hao, kháng khuẩn kháng viêm	Lọ	1
69	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa	Lọ	2
70	Fuji II	Gồm 15g powder, 10g liquid, là vật liệu dùng để trám răng, điều trị sâu răng, hàn trước xoang I, II , cổ răng	Hộp	6
71	Chỉ thị nhiệt	Thiết kế dạng cuộn. Băng keo được thiết kế có độ co giãn tránh bung băng trong quá trình tiệt trùng	Cuộn	10
72	La men	Kích thước :22 x 40 mm	Cái	1,500
73	Lam kính mỏng	Dùng trong soi tiêu bản	Hộp	1,500

74	Nhiệt kế	Cấu tạo của nhiệt kế gồm có bầu chứa thuỷ ngân, ống mao quản, bầu chứa phụ, thang chia độ. Thân nhiệt kế làm bằng thuỷ tinh chịu nhiệt.	Cái	400
75	Pipet 10ml nhựa	Pipet Nhựa / Ống Hút Huyết Thanh Tiệt Trùng 10ml	Cái	30
76	Ống nghe tim, phổi	Loại nghe hai mặt tim phổi, dây dẫn bằng cao su latex; bộ phận khuyêch đại âm thanh bằng aluminum	Cái	50
77	Ống nghiệm có HC Tri-Na Citrate 9NC/ 3.8 %	Ống nghiệm nhựa PP trung tính, kích thước 13x75mm, thể tích 5ml. Nắp màu xanh lá cây. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.. * Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.	Cái	5,000
78	Ống nghiệm có hoá chất EDTA 2ml	* Ống nghiệm nhựa PP trung tính, kích thước 13x75mm, thể tích 5ml. Nắp xanh dương. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) dùng kháng đông cho 2ml mẫu.	Cái	80,000
79	Ống nghiệm có hoá chất Hparine Lithium	* Ống nghiệm nhựa PP trung tính, kích thước 13x75mm, thể tích 5ml. Nắp màu đen. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na+, K+, Ca2+, Cl-... trừ Li+. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcohol trong máu. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu..	Cái	75,000
80	Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu có nắp	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 100mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích 8 ± 0.1ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Cái	5,000
81	Huyết áp đồng hồ	Giới hạn đo: - Huyết áp: 0 tới 280 mm Hg. - Nhịp tim: 40 tới 180 nhịp/phút. Độ chính xác:	Cái	70
82	Diệt tủy	Diệt tủy Devital 5g	Lọ	50
83	Fuji I	Fuji được sử dụng tốt nhất khi trám xoang loại I tức là các xoang nhỏ.	Lọ	2
		Tổng cộng: 83 mặt hàng		

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 660/TTYT-KD ngày 29/ 8 /2023 của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục [2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.